

(v/v: Giải trình chênh lệch BCTC riêng và báo cáo hợp nhất quý II/2021).

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ theo quy định tại thông tư 155/2015/TT-BTC về công bố thông tin, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng và báo cáo hợp nhất quý II/2021 như sau:

Báo cáo tài chính riêng:

CHỈ TIÊU	Quý II.2021	Quý II.2020	Chênh lệch	% chênh lệch
	VND	VND	VND	%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	638.794.943.524	456.195.341.817	182.599.601.707	40,0%
Giá vốn hàng bán	612.069.715.787	404.751.607.006	207.318.108.781	51,2%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.725.227.737	51.443.734.811	(24.718.507.074)	-48,0%
Doanh thu hoạt động tài chính	51.350.594.551	4.496.929.737	46.853.664.814	1041,9%
Chi phí tài chính	43.461.873.201	23.717.766.222	19.744.106.979	83,2%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	40.532.797.449	21.807.711.497	18.725.085.952	85,9%
Chi phí bán hàng	18.945.973.019	14.396.498.760	4.549.474.259	31,6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.963.399.121	17.053.862.406	(3.090.463.285)	-18,1%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.704.576.947	772.537.160	932.039.787	120,6%
Thu nhập khác	66.142.456	1.227.370.225	(1.161.227.769)	-94,6%
Chi phí khác	343.951.289	253.179.848	90.771.441	35,9%
Lợi nhuận khác	(277.808.833)	974.190.377	(1.251.999.210)	-128,5%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.426.768.114	1.746.727.537	(319.959.423)	-18,3%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	434.217.780	452.697.274	(18.479.494)	0,0%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	992.550.334	1.294.030.263	(301.479.929)	-23,3%



Báo cáo tài chính hợp nhất:

CHỈ TIÊU	Quý II.2021	Quý II.2020	Chênh lệch	% chênh lệch
	VND	VND	VND	%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.170.343.364.779	757.587.032.480	412.756.332.299	54%
Giá vốn hàng bán	982.938.674.465	636.583.215.948	346.355.458.517	54%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	187.404.690.314	121.003.816.532	66.400.873.782	54,9%
Doanh thu hoạt động tài chính	116.760.900.602	105.314.721.982	11.446.178.620	11%
Chi phí tài chính	138.200.802.054	82.407.235.801	55.793.566.253	68%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	132.867.134.228	79.584.863.242	53.282.270.986	67%
Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên	(4.318.747.136)	(383.970.386)	(3.934.776.750)	1025%
Chi phí bán hàng	72.098.439.497	44.981.528.482	27.116.911.015	60%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	83.512.335.303	74.605.879.991	8.906.455.312	12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.035.266.926	23.939.923.854	(17.904.656.928)	-74,8%
Thu nhập khác	3.859.139.969	996.160.614	2.862.979.355	287%
Chi phí khác	2.834.662.672	1.489.930.252	1.344.732.420	90%
Lợi nhuận khác	1.024.477.297	(493.769.638)	1.518.246.935	-307,5%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.059.744.223	23.446.154.216	(16.386.409.993)	-69,9%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.523.827.523	3.621.830.359	10.901.997.164	301%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(11.020.129.650)	(3.346.967.538)	(7.673.162.112)	229%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.556.046.350	23.171.291.395	(19.615.245.045)	-84,7%

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo riêng quý II/2021 giảm khoảng 300 triệu so với cùng kỳ năm trước, mặc dù doanh thu thuần tăng khoảng 183 tỷ, chủ yếu do thị trường 6 tháng đầu năm vẫn chưa thực sự phục hồi do ảnh hưởng của dịch Covid, cụ thể: (i) giá nguyên vật liệu hạt nhựa tăng mạnh khiến lợi nhuận gộp giảm; (ii) các chi phí hỗ trợ khách hàng, chi phí lưu kho, chi phí logistic đều bị gia tăng so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất quý II/2021 giảm 19 tỷ so với cùng kỳ năm trước, trong khi Doanh thu tăng 412 tỷ (so với cùng kỳ là 757 tỷ), do ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch Covid: giá nguyên vật liệu tăng, các chi phí logistic tăng,... làm suy giảm biên lợi nhuận.

Nay Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai xin giải trình với Ủy Ban Chứng Khoán, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và các nhà Đầu tư được rõ.

Trân trọng kính chào!

Ngày 30 tháng 07 năm 2021



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hiếu

